

CÔNG TY TNHH VCVINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VCVINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VCVINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VCVINA CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2301096161

3. Ngày thành lập: 11/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Chính Trung, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0978749969

Fax:

Email: vcn.vina@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
2.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
3.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
4.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
5.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
6.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
7.	In ấn	1811
8.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
9.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
10.	Hoạt động cho thuê tài chính	6491
11.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
12.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
13.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
14.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
15.	Lập trình máy vi tính	6201
16.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
18.	Quảng cáo	7310
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
20.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
21.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

22.	Bốc xếp hàng hóa	5224
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
25.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
28.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
29.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
30.	Bán buôn tổng hợp	4690
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
34.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
35.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
36.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
37.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
38.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
39.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
40.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
41.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
42.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
43.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
44.	Bán buôn thực phẩm	4632
45.	Bán buôn đồ uống	4633
46.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
47.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
48.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
49.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
50.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
51.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
52.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
53.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
54.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

55.	Trồng lúa	0111
56.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
57.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
58.	Trồng cây mía	0114
59.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
60.	Trồng cây lấy sợi	0116
61.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
62.	Trồng cây hàng năm khác	0119
63.	Trồng cây ăn quả	0121
64.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
65.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
66.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
67.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
68.	Chăn nuôi gia cầm	0146
69.	Chăn nuôi khác	0149
70.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
71.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
72.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
73.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
74.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
75.	Khai thác thủy sản biển	0311
76.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
77.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
78.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
79.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
80.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
81.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
82.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
83.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 125492414

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Chính Trung, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Chính Trung, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 15/10/1994 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 125492414

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Chính Trung, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Chính Trung, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh